TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:68/2020/DS-ST
Ngày:30-9-2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lý Văn Vịnh;

2/ Bà Cấn Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tâm– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:63/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*Bà Trần Thị H - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 07, xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị H: Bà Bùi Thị D (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2019) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, phường P, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị Thanh H1 – vắng mặt lần thứ 2.

Địa chỉ: Thôn 07, xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày:*

Ngày 17/10/2018 (âm lịch) bà Trần Thị H cho chị Đinh Thị Thanh H1 vay 10.000.000đ, hẹn 03 ngày sẽ trả, lãi suất thỏa thuận 2.000đ/1.000.000đ/ngày.

Ngoài ra, chị H1 tham gia 02 dây hụi, chị H1 hốt trước nhưng sau đó không góp lại, bà H phải bỏ tiền ra trả cho các con hụi hốt sau. Đến ngày 04/9/2018, bà H và chị H1 chốt số tiền của 01 dây hụi mà bà đã đóng cho chị H1 là 49.000.000đ và ngày 24/10/2018 âm lịch, hai bên chốt dây hụi thứ 2 mà bà H đã đóng cho chị H1 là 23.120.000đ. Chị H1 đã nhận nợ 02 dây hụi và chị H1 hẹn 01 tháng sau sẽ trả tiền cho bà H.Tuy nhiên, quá hạn, chị H1 không chịu trả tiền cho bà H. Do đó, bà H khởi kiện, yêu cầu chị Đinh Thị Thanh H1 phải trả cho bà Trần Thị H số tiền gốc còn nợ là 82.120.000đ và lãi suất tạm tính đến ngày khởi kiện là 15.800.000đ, tổng cộng là 97.920.000đ *(Chín mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).*

- *Bị đơn chị Đinh Thị Thanh H1 trình bày:*Vào khoảng tháng 10/2018, chị Đinh Thị Thanh H1 có vay của bà Trần Thị H 10.000.000đ, lãi suất 7.000đ/ngày/triệu, hẹn 03 ngày sau trả nhưng quá 03 ngày chị H1 không trả được nợ. Tuy nhiên, chị H1 trả được 02 tháng tiền lãi, số tiền 4.200.000đ. Ngoài ra, chị H1 có tham gia 01 dây hụi 49.000.000đ, bà H là người cầm cái. Vì chị H1 cần tiền nên rút hụi trước thời gian quy định, bà H tính lãi 7.000đ/triệu/ngày nên thực tế số tiền 49.000.000đ chị H1 chỉ nhận được 40.200.000đ, số tiền còn lại đã trừ vào tiền lãi. Thời gian sau, chị H1 không có khả năng đóng hụi nữa nên gặp bà H đề nghị chuyển chân hụi của chị cho người khác chơi thay. Chị không nhớ ngày nhưng bà H qua dọn nhà cho chị hàng xóm tên H2, thường gọi là Vân Anh và nói về việc này.Chị H2 đồng ý chơi thay chân hụi của chị H1 nên chị H1 đã chuyển tiền cho chị H2 hốt chân hụi này.Đóng 01 tháng chị H2 không còn có khả năng trả nợ nên đã bỏ trốn.Hiện nay chị H1 cũng không biết chị H2 đang ở đâu. Đối với chân hụi

này chị H1 đã giải quyết xong với bà H nhưng do sơ suất nên chị và bà H vẫn chưa gạch sổ và viết giấy rõ ràng.

Đối với chân hụi 23.120.000đ thì thực tế chị H1 không chơi hụi mà là chị đứng ra vay giúp cho người khác. Chị chỉ vay của bà H 10.000.000đ, trả góp, đóng trước 1.800.000đ, chị chỉ nhận được 8.200.000đ. Một tháng sau chị H1 về quê vào thì bà H tính lãi là 4.000đ/ngày/triệu nên số tiền lên đến 23.120.000đ. Sau đó, bà H buộc chị H1 phải ký giấy nhận nợ. Chị thừa nhận có ký vào giấy nợ này chứ không phải xuất phát từ tiền hụi.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà H, chị H1 chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền gốc là 18.200.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền bà Bùi Thị D xin xét xử vắng mặt và gửi văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc chị Đinh Thị Thanh H1 phải trả cho bà Trần Thị H số tiền gốc là 82.120.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 18.556.000đ.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên đối chất, phiên kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk |Song tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, thư ký phiên tòa, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của BLTTDS, bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của BLTTDS, cụ thể vắng mặt tại một số phiên làm việc và tại phiên tòa không có lý do, gây khó khăn cho quá trình giải quyết của Tòa án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Đinh Thị Thanh H1 phải trả cho bà Trần Thị H số tiền gốc là 82.120.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ gồm: 03 giấy vay tiền lập vào các ngày 04/9 (âm lịch); ngày 17/10/2018; ngày 24/10 (bản gốc) do nguyên đơn cung cấp.Các đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu chị Đinh Thị Thanh H1phải trả số tiền vay vào các ngày 04/9 (âm lịch); ngày 17/10/2018; ngày 24/10 trong năm 2018, nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự. Bị đơn chị Đinh Thị Thanh H1 cư trú tại Thôn 7, xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy vay ngày 17/10/2018 (âm lịch) số tiền 10.000.000đ, thời hạn trả là 03 ngày; giấy vay ngày 4/9 âm lịch số tiền 49.400.000đ, thời hạn trả là tháng 4/2019 âm lịch; giấy vay 24/10 số tiền 23.120.000đ, thời hạn trả 01 tháng. Ngày 29/7/2019 bà Trần Thị H làm đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX thấy rằng:

[2.1]Bà Trần Thị H yêu cầu bà Đinh Thị Thanh H1 trả 03 khoản nợ; cụ thể: Ngày 17/10/2018 số tiền 10.000.000đ, thời hạn trả là sau 03 ngày; Ngày 04/9 âm lịch số tiền 49.400.000đ, hẹn tháng 4/2019 (âm lịch) không ghi ngày cụ thể, tức là ngày cuối cùng của tháng 4/2019 âm lịch là vào ngày 02/6/2019 dương lịch sẽ trả đủ tiền; 24/10 vay số tiền 23.120.000đ, thời hạn trả nợ là 01 tháng (24/11). Bà H trình bày tất cả 03 khoản vay trên bà cho chị H1 vay trong năm 2018. Lời trình bày của bà H phù hợp với chứng cứ là 03 giấy vay tiền mà bà H cung cấp. Bị đơn chị Đinh Thị Thanh H1 thừa nhận có vay tiền của bà H nhưng không nhiều như số tiền bà H khởi kiện. Tuy nhiên, chị H1 thừa nhận chữ ký, chữ viết trong 03 giấy vay tiền là do chị viết và ký. Những khoản nợ chị H1 cho rằng đã trả cho bà H nhưng chị không cung cấp được các chứng cứ để chứng minh.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 BLTTDS thì :

"1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp…; 2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó…; 4. Đương sự có nghĩa vụđưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không

đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận phần trình bày của chị Đinh Thị Thanh H1. Theo Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sảnvà nghĩa vụ trả nợ của bên vay, việc vay tiền giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật. Đây là các khoản vay có xác định thời hạn trả nợ.Quá thời hạn đó, chị Đinh Thị Thanh H1 không chứng minh được việc chị H1 đã trả được nợ.Do đó, HĐXX xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo giấy vay tiền, tổng số tiền là 82.520.000đ, tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền 82.120.000đ. Do đó, cần buộc bị đơn chị Đinh Thị Thanh H1phải trả cho bà Trần Thị H số tiền gốc của 03 khoản vay trên là 82.120.000đ.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả của 03 khoản tiền vay trên đến ngày xét xử sơ thẩm là 18.556.000đ: HĐXX xét thấy: Trong 03 giấy vay tiền không thể hiện cụ thể lãi suất. Quá trình làm việc tại Tòa án, các bên trình bày mức lãi suất có sự mâu thuẫn nhau và chị H1 cho rằng đã trả lãi cho bà H với lãi suất cao 7.000đ/ngày/triệu. Tòa án tiến hành đối chất nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành đối chất được. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả là 1%/tháng.Tuy nhiên, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định. Do đó, HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS để tính lãi suất đối với 03 khoản vay trên với mức lãi suất 0,83%, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền gốc 10.000.000đ, ngày quá hạn là 21/10/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2020 là 23 tháng 09 ngày: 10.000.000đ x 0,83%x 23 tháng 09 ngày = 1.920.000đ.

- Đối với số tiền gốc 49.000.000đ, ngày quá hạn ngày 03/6/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2020 là 16 tháng: 49.000.000đ x 0,83% x 16 tháng = 6.507.000đ (làm tròn số).

- Đối với số tiền 23.120.000đ, thời hạn trả nợ là 25/11/2018, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2020 là 22 tháng 05 ngày: 23.120.000đ x 0,83%x 22 tháng 05 ngày = 4.254.000đ (làm tròn số).

Tổng cộng: 12.681.000đ.

Do đó, cần buộc chị Đinh Thị Thanh H1 trả cho bà Trần Thị H 12.681.000đ tiền lãi tính đến ngày 30/9/2020.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền 6.875.000đ.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2Điều 26của Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội bị đơn chị Đinh Thị Thanh H1phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 4.740.000đ*(làm tròn số)*.Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu tính lãi bị bác là 300.000đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 2.448.000đ mà bà H đã nộp, hoàn trả lại cho bà Trần Thị H 2.148.000đ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91,Điều 144; Điều 147của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, Điều 468 của của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bị đơn chị Đinh Thị Thanh H1 phải trả cho bà Trần Thị H 94.801.000đ *(Chín mươi bốn triệu tám trăm lẻ một nghìn đồng),* trong đó tiền gốc là 82.120.000đ *(Tám mươi hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng),* tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) là 12.681.000đ *(Mười hai triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn đồng).*

Chị Đinh Thị Thanh H1 phải chịu lãi suất chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

Bác yêu cầu tính lãi suất của bà Trần Thị H đối với số tiền lãi 6.875.000đ*(Sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).*

2.Về án phí: Buộc chị Đinh Thị Thanh H1 phải nộp 4.740.000đ*(Bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng)*án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà Trần Thị H nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu tính lãi bị bác, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 2.448.000đ*(Hai triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng)*mà bà H đã nộp theo biên lai số 0002239 ngày 06/8/2019 tại chi cục Thi

hành án dân sự huyện Đắk Song. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị H 2.148.000đ*(Hai triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;

- VKSND huyện S;

- Chi cục THADS huyện S;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ, VP.